

Bản án số: 04/2017/HSST
Ngày 29/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông : Lò Văn Dinh.

C Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Hạng Sáy Dua.

2. Bà: Trần Thị. Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông T A T– Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà N. T T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở UBND xã S. L. H. M C tiến hành mở phiên tòa lưu động xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2017/HSST ngày 03/11/2017 đối với C bị cáo:

1. T. A. D (tên gọi khác: L. S. D) - Sinh năm: 1966.

Nơi sinh: Xã S. T, h. M. C, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản S N, xã S T, h. M C, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: Không.

Con ông: L N P – Đã chết và bà S T G – Sinh năm: 1940.

Vợ: Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. V. B. C (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1977.

Nơi sinh: huyện S M, tỉnh S L.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản H M, xã M M, h. M C, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: Không.

Con ông: V K T – Sinh năm: 1945 và bà L T D – Sinh năm: 1946.

Vợ: V T S – Sinh năm 1981 và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1999 con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. G. A. C (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1988.

Nơi sinh: Xã N S, h M C, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N P, xã N S, h M C, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 1/12.

Con ông: G K C – Sinh năm: 1966 và bà H T L - Sinh năm: 1967.

Vợ: S T D - Sinh năm: 1994 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012 con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. G. A. P (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1994.

Nơi sinh: Xã N S, h M C, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N P, xã N S, h M C, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: Không.

Con ông: G K C – Sinh năm: 1966 và bà H T L - Sinh năm: 1967.

Vợ: S T S - Sinh năm: 1996 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014 con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** bà L T T H – SN: 1986; trú tại: Tổ 1, thị trấn M C, h M C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

* **Người bào chữa cho bị cáo V B C:** ông P V H là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ B. Có mặt.

* **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông H A H – SN: 1988; trú tại: Bản S N, xã S T, h M C, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Ông G A C (G K Ch) - Sinh năm: 1966. Trú tại Bản N P, xã N S, h M C, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Công ty tư nhân T H - Điện Biên, người đại Diện theo pháp luật ông T Q T – SN: 1966; trú tại: Đội 24, xã N H, h Đ B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

- Bà L T L – SN: 1967; trú tại: Bản M M, xã M M, h M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt có lý do.

- Bà Đ T B – SN: 1968; trú tại: B H V, xã M M, h M C, tỉnh Điện Biên. Vắng có lý do.

- Bà V T S – SN: 1981; trú tại: Bản H M, xã M M, h M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt có lý do.

- Bà S T S - SN: 1996; trú tại: Bản N P, xã N S, h M C, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

*** Những người làm chứng:**

- Ông L V X – SN: 1967; trú tại: P N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

- Ông L V B – SN: 1963; Trú tại: Bản M M, xã M M, h M C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY

C bị cáo L A D, V B C, G A C, G. A. P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 22/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Chà nhận được trình báo của gia đình chị Lê Thị Thu H sinh năm 1986 trú tại tổ 1, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà về việc đêm ngày 21, rạng sáng ngày 22/8/2017, gia đình chị bị kẻ gian đột nhập vào nhà lấy trộm khoảng 13 bao quả đỏ, có trọng lượng khoảng 240 kg, trị giá khoảng 18.000.000 đồng. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Chà đã tiến hành kiểm tra, xác minh và thực hiện C hoạt động điều tra, qua khám nghiệm hiện trường đã Phiện, thu giữ bên bờ suối Ch gia đình nhà chị H 120m có một bao tải màu đỏ bên trong đựng quả đỏ có trọng lượng 20kg và giao cho chị H bảo quản.

Tiến hành C hoạt động điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm rõ C đối tượng thực hiện hành vi phạm tội gồm: T. A. Dsinh năm 1966 trú tại bản Sá Ninh, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà; V. B. Csinh năm 1977 trú tại bản Huồi Meo, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà; G. A.C sinh năm 1988 và G. A. P sinh năm 1994 cùng trú tại bản N P, xã N S huyện Mường Chà.

Tại Cơ quan điều tra L A D, V B C, G. A.Cvà G. A. P khai nhận:

Khoảng 18 giờ ngày 21/8/2017, T. A. Dđến nhà G. A. P chơi thì gặp anh trai của Plà G A C. D đã rủ C và Pcùng đi trộm cắp quả đỏ của gia đình chuyên thu mua ở thị trấn Mường Chà để lấy tiền chia nhau nhưng C và Pkhông đồng ý, sau đó C đi về nhà. D ở lại tiếp tục rủ Pđi trộm cắp và nói với Prằng D sẽ là người trực tiếp vào lấy còn Pvà C chỉ vận chuyển nên Pđồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Pgọi điện thoại cho C bảo xuống đi chơi và cùng nhau đi trộm cắp quả đỏ, C đồng ý nên khoảng 22 giờ cùng ngày C đi xe máy từ nhà xuống đến nhà P. Do còn sớm nên D, P và C đã đi ngủ tại nhà Pđến khoảng 2 giờ sáng ngày 22/8/2017 thì dậy. Sau đó Pđiều khiển xe máy biển kiểm soát 27V1-0429 chở D, còn C điều khiển xe máy biển kiểm soát 27V1-060.80 đi từ nhà Pxuống đường Quốc lộ 12 thì dừng xe. Lúc này có V. B. Cđiều khiển xe máy nhãn hiệu KITAFU không có biển kiểm soát từ hướng thị trấn Mường Chà đến thì gặp D, C, P. Do C quen D từ trước vì cùng là người nghiện ma túy nên đã dừng xe nói chuyện với D. D có nói là sẽ đi trộm cắp quả đỏ ở thị trấn Mường Chà và hỏi C có đi cùng không thì C đồng ý. Khoảng 3 giờ sáng ngày 22/8/2017 D, C, P, C điều khiển 3 xe máy đi lên thị trấn Mường Chà để trộm cắp quả đỏ. Khi đến đầu thị trấn M C nhà chị H khoảng 1 km thì cả 4 người dừng xe lại ven đường và bàn nhau mỗi người sẽ lấy 02 bao quả đỏ rồi vận chuyển dọc theo bờ

suối đến chỗ dựng xe. Sau đó D, C, P, C đi bộ đến gần một ngôi nhà sàn bên tà lỵ âm cạnh bờ suối Ch gia đình chị Lê Thị Thu H khoảng 50m thì D bảo C, P, C đứng ngoài đợi, còn D sẽ đi vào trước. D đi bộ dọc đường quốc lộ, men theo bờ rào nhà chị H để vào trộm cắp. Khi vào trong, D thấy có 01 chiếc xe cải tiến, trên xe có 4 bao tải màu đỏ bên trong đựng quả đỏ cùng một số vật dụng khác, D đã đẩy chiếc xe ra gần bờ suối, lúc này C cũng đi theo vào đến chỗ D và vác 1 bao quả đỏ trên xe cải tiến lăn xuống bờ suối còn D lăn 3 bao còn lại. Sau đó, C đi vào trong lấy 01 bao quả đỏ để sát tường cạnh lò sấy vác ra trước còn D lấy thêm được 3,5 bao quả đỏ vác ra sau. Khi quay ra thì D, C và P đã không thấy C đâu nữa. D lấy được 6,5 bao quả đỏ rồi cùng C và P vác đi được khoảng 50m thì cả ba thống nhất sẽ vác lên đường quốc lộ và lấy xe máy xuống chờ C bao quả đỏ chứ không vác đi men theo suối đến chỗ dựng xe như bàn bạc ban đầu. C và P đi bộ quay về lấy xe máy còn D vác 6,5 bao quả đỏ lên cạnh bờ kè gần ngôi nhà đang xây. Khi lấy được xe máy xuống thì C và P cùng vác C bao quả đỏ lên đường Quốc lộ 12 và chằng lên xe máy, C chở 3,5 bao còn P chở 3 bao đem đi giấu tại khu vực đồi cao su ở đường lên bản Huổi Xưa, xã Na Sang, còn D đi bộ theo sau, sau đó P quay lại đón D về nhà P. Khoảng 17 giờ ngày 22/8/2017, D, C, P rủ nhau mang số quả đỏ đi bán, do không đủ xe nên đã thuê Hồ A H sinh năm 1988 trú tại bản Sá Ninh, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà là anh rể của P chở D đi cùng. Mọi người đi lên chỗ mà P và C đã cất giấu quả đỏ, dồn 6,5 bao thành 05 bao, C chở 2 bao, P chở 3 bao còn H điều khiển xe máy BKS 27V1-051.28 chở D đến nhà bà L T L, sinh năm 1967 trú tại bản M M, xa M M, H. MC bán quả đỏ cho bà L. Khi bán D, C, P cân 5 bao quả đỏ được 142 kg nhưng do quả còn ướt nên bà L đã trừ đi 10 kg, bán với giá 40.000 đồng/kg. Để tròn tiền bà L đã trả 5.300.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, D, C, P đã thống nhất chia mỗi người được 1.700.000 đồng còn 200.000 đồng D đưa cho H trả tiền xe ôm.

Đối với V. B C. C sau khi lấy thêm được 01 bao quả đỏ cạnh lò sấy và lăn xuống suối. C vác 01 bao quả đỏ đi dọc bờ suối lên chỗ dựng xe, nhưng vác được 120m thì C để bao quả đỏ cạnh bờ suối rồi quay lại chỗ vừa lăn C bao quả đỏ xuống để vác một bao khác. C vác 1 bao quả đỏ đi dọc bờ suối đến chỗ dựng xe như đã bàn bạc ban đầu, khi lên đến nơi C thấy xe của C và P chở C bao quả đỏ đi qua, do sợ nên C không quay lại lấy 01 bao quả đỏ đang để lại cạnh suối nữa mà chằng bao quả đỏ vừa vác được lên xe đuổi theo C và P. Khi đuổi theo đến khu vực xã Mường Mươn thì C không thấy C, P đâu nữa. C dừng xe nghỉ ngơi đến khoảng 7 giờ sáng ngày 22/8/2017 thì đem bao quả đỏ bán cho bà Đ T B sinh năm 1968, trú tại bản H V, xa M M, H. MC. Khi bán cân được 16kg, bà B trả cho C 400.000 đồng.

Tổng 8,5 bao quả đỏ mà D, C, C, P trộm cắp là 178 kg. Trong đó: 6,5 bao quả đỏ mà D, C, P đã vác ra và mang đi bán được 142 kg, C đã vác ra 02 bao, đã bán 01 bao nặng 16 kg, còn 01 bao nặng 20 kg C để lại bên bờ suối.

Tại kết luận số 10 ngày 24/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 178 kg quả đỏ (đã khô khoảng 80%) trị giá 50.000 đồng/kg có tổng giá trị là 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Trước khi thực hiện hành vi, D, C, C, P đã bàn bạc, thống nhất với nhau về số lượng C bao quả đỏ sẽ trộm cắp và Ch thức vận chuyển sau khi lấy được tài sản. Nhưng sau đó thì D, C, P lại thay đổi đường vận chuyển không như bàn bạc ban đầu mà không nói cho C biết nên C vẫn đi theo đường cũ và không gặp lại D, C, P nữa.

Mặc dù C không biết D, C, P lấy được bao nhiêu bao quả đỏ và bán được bao nhiêu tiền cũng không được tham gia bán số bao quả đỏ. Ngoài ra, D, C, P cũng không biết số bao quả đỏ mà C lấy được và bán được bao nhiêu nhưng C bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất từ trước cùng nhau thực hiện tội phạm. Vì vậy C bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về tổng số quả đỏ đã chiếm đoạt được là 178 kg trị giá 8.900.000đ.

Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn vì C bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa C bị cáo. Trong đó bị cáo D là người rủ rê, thực hiện tích cực giữ vai trò chính, C bị cáo C, P, C đều là người thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 27/QĐ-VKS-HS ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên truy tố C bị cáo L A D, V B C, G A C, G. A. P về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại Dện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố C bị cáo D, C, C, P về cả tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T. A. D từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V. B. C từ 17 tháng đến 20 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo G. A. C từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo G. A. P từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với C bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự, vì C bị cáo không có khả năng thi hành.

+ Về vật chứng:

Chiếc xe máy BKS 27V1-0429 thu giữ của G. A. P là tài sản chung của vợ chồng G. A. P, do vậy tịch thu sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho vợ Plà chị S T S.

Chiếc xe máy Win nhãn hiệu KITAFU màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXCE8PEHA101053, số máy VDEJQ152FMJ101053 thu giữ của V. B. C là tài sản chung của vợ chồng C, do vậy tịch thu sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy, hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho vợ C là chị V T S.

Số tiền 2.505.000đ thu giữ của C bị cáo: gồm 505.000 đồng thu giữ của L A D, 300.000 đồng thu giữ của G. A. P, 1.700.000 đồng thu giữ của G. A.C là tiền mà C BC đã bán tài sản trộm cắp (quả đỏ) cho bà L T L có được. Bà L mua 142 kg quả đỏ do D, C, P bán sau đó bà L đã phơi khô còn được 94kg, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ và trả lại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì. Vì vậy số tiền trên cần trả lại cho bà L T L.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại SamSung thu giữ của bị cáo C, bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với 200.000 đồng thu giữ của G. A.Clà số tiền bị cáo lao động sản xuất mà có không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với 200.000 đồng thu giữ của H A H, là tiền mà C bị cáo D, C, P đã trộm cắp tài sản bán có được để trả công cho H. Vì vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.400.000 đồng mà gia đình bị cáo G. A. P đã nộp để khắc phục hậu quả cần giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Gia đình bị cáo V. B. C đã nộp 400.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Do bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho bị cáo G. A.C 01 ví da màu nâu đã cũ, 01 CMTND mang tên G A C, 01 bảo hiểm xe máy, 01 đăng ký xe máy mang tên Giàng A Cho, 01 giấy phép lái xe mang tên G. A.C là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

+ Trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà L T L yêu cầu C bị cáo L A D, G A C, G. A. P trả lại 5.300.000 đồng vì đây là số tiền bà L đã mua 142 kg quả đỏ do D, C, P trộm cắp mà có, sau đó bà L đã phơi khô còn được 94kg mà đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ và trả lại cho bị hại. Như vậy mỗi bị cáo phải trả cho bà L 1.767.000 đồng. C bị cáo D, C, P cũng chấp nhận hoàn trả cho bà L, cần chấp nhận yêu cầu của bà L và việc đồng ý hoàn trả của C bị cáo.

+ Miễn toàn bộ án phí cho C bị cáo vì C bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Ý kiến của trợ giúp pháp lý bào chữa cho bị cáo V B C: Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng C tình tiết giảm nhẹ như người phạm tội thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã sửa chữa khắc phục hậu quả, bị cáo là lao động chính, gia đình khó khăn. Đề nghị áp dụng điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự. Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

- Chị Lê Thị Thu H khai báo số tài sản gia đình chị bị mất khoảng 13 bao quả đỏ, có trọng lượng khoảng 240kg, trị giá khoảng 18.000.000 đồng. Tuy nhiên chị không biết chính xác và không có giấy tờ gì chứng minh. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và làm rõ D, C, C, P chiếm đoạt 8,5 bao quả đỏ có trọng lượng 178kg.

- Bà Đ T B sau khi mua 16 kg quả đỏ của C, bà B đã phơi khô và bán cho người thu mua không rõ lai lịch nên không truy thu được.

- Bà Đ T B và L T L là người mua quả đỏ của C bị cáo, nhưng do không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với bà B và L.

- Hờ A H đã dùng xe máy HONDA WAVES, màu đỏ trắng đen, BKS 27V1-051.08 để chở xe ôm đưa D đi bán quả đỏ và được trả công 200.000 đồng nhưng H không biết nguồn gốc số quả đỏ đó do phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với H và Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho H.

- G. A. P đã sử dụng điện thoại gọi điện để rủ C đi trộm cắp, qua xác minh đó là điện thoại P mượn của ông L V L, sinh năm 1965, trú tại bản N P, xã N S nên không thu giữ chiếc điện thoại.

- Đối với chiếc xe máy BKS 27V1-060.80 mà C đã điều khiển đi trộm cắp quả đỏ

là xe mà C mượn bố đẻ của mình là ông G A C, ông Chia không biết C dùng làm phương tiện phạm tội nên không thu giữ chiếc xe máy trên.

- Đối với chiếc xe máy Win nhãn hiệu KITAFU màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXCE8PEHA101053, số máy VDEJQ152FMJ101053 thu giữ của V. B. Clà xe C mua trả góp tại doanh nghiệp tư nhân Trần Hà - cửa hàng xe máy Nguyệt Trãi địa chỉ xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Do C chưa trả hết tiền mua xe nên chủ cửa hàng ông Trần Quốc Trãi chưa làm thủ tục đăng ký, ông Trãi chỉ cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra bản hợp đồng mua bán xe viết tay, còn C giấy tờ khác liên quan như hóa đơn đã bị thất lạc không tìm thấy. Tuy nhiên hợp đồng mua bán xe máy vi phạm về hình thức, nội dung sơ sài không thể hiện đầy đủ nhãn hiệu, số máy, số khung.

Căn cứ vào C chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn Diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trợ giúp viên pháp lý, lời khai của C bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa C bị cáo L A D, V B C, G. A. P, G. A.C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể: Ngày 21/8/2017 bị cáo D đã rủ C bị cáo C, P đi trộm cắp tài sản bán để lấy tiền chia nhau. Đến đêm ngày 21, rạng sáng ngày 22/8/2017 khi bị cáo D, C, P đi từ nhà P xuống đường quốc lộ thì gặp bị cáo C, bị cáo D đã nói chuyện và rủ bị cáo C đi trộm cắp cùng. Bị cáo C đã đồng ý, sau đó C bị cáo cùng nhau lên thị trấn Mường Chà mục đích là vào nhà của chị Lê Thị Thu H trộm cắp quả đỏ. C bị cáo đến thị trấn Mường Chà Ch nhà chị H khoảng 50 m thì bị cáo D lén lút vào trong nhà chị H để trộm cắp quả đỏ còn C bị cáo C, C, P đứng ngoài cảnh giới được khoảng một lúc sau, bị cáo C lại lén lút vào trong nhà chị H cùng với bị cáo D trộm cắp lấy 8,5 bao quả đỏ để lặn xuống bờ suối, sau đó bị cáo C vác hai bao quả đỏ đi trước còn bị cáo D cùng với bị cáo C, P lấy được 6,5 bao quả đỏ. Sau khi trộm cắp được C bị cáo D, C, P cùng nhau chở quả đỏ đã trộm cắp được bán cho bà L T L tại bản Mường Mươn 2, xã Mường Mươn được 5.300.000 đồng, còn bị cáo C bán cho bà Đ T B ở bản Huổi Vàng, xã Mường Mươn được 400.000 đồng. Tổng tất cả C bị cáo trộm cắp được 8,5 bao quả đỏ có trọng lượng 178 kg, có trị giá là 8.900.000 đồng.

Như vậy, lời nhận tội của C bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp với C chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của C bị cáo không mâu thuẫn với nhau. Do đó quyết định truy tố của Viện kiểm sát và việc đưa C bị cáo ra xét xử về tội danh và điều luật áp dụng đối với C bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào hành vi của C bị cáo đã thực hiện. Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của C bị cáo phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội của C bị cáo cho thấy:

Hành vi trộm cắp tài sản của C bị cáo Diễn ra giản đơn, nhưng đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Mục đích của C bị cáo sau khi trộm cắp được sẽ đem bán để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, C bị cáo đều nhận thức được rằng, hành vi của mình là vi phạm pháp luật nếu bị Phệện thì sẽ bị xử lý rất nghiêm khắc. Tuy nhiên chỉ vì lòng tham, muốn có tiền chi

tiêu cho bản thân mà không phải mất mồ hôi công sức, C bị cáo đã bất chấp tất cả, coi tH pháp luật cố tình trộm cắp tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, miễn sao có lợi cho cá nhân C bị cáo. Hành vi của C bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn huyện nhà; Gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trong việc quản lý, bảo quản tài sản của mình.

C bị cáo D, C, C, P trộm cắp là 178 kg quả đỏ của nhà chị H. Trong đó C bị cáo D, C, P trộm cắp đem đi bán cùng nhau là 142 kg, bị cáo C trộm cắp đem đi bán 16 kg, và 20 kg bị cáo C để lại ở bờ suối. Trước khi trộm cắp C bị cáo đã bàn bạc, thống nhất với nhau về số lượng C bao quả đỏ sẽ trộm cắp và Ch thức vận chuyển sau khi lấy được tài sản. Nhưng sau đó thì C bị cáo D, C, P lại thay đổi đường vận chuyển không như bàn bạc ban đầu mà không nói cho bị cáo C biết nên từ đó D, C, P không gặp lại C và cũng không biết C lấy được bao nhiêu bao quả đỏ, bán được bao nhiêu tiền, cũng như C không biết D, C, P lấy được bao nhiêu bao quả đỏ và bán được bao nhiêu tiền. Nhưng C bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất từ trước cùng nhau thực hiện tội phạm. Lời khai của C bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không mâu thuẫn nhau. Vì vậy C bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về tổng số quả đỏ đã chiếm đoạt được là 8,5 bao có trọng lượng 178 kg trị giá 8.900.000 đồng.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn trong tội trộm cắp tài sản, C bị cáo đều là người thực hành trực tiếp thực hiện tội phạm. Tuy nhiên vai trò, trách nhiệm của C bị cáo có khác nhau, trong đó người giữ vai trò chính là bị cáo L A D, bởi lẽ bị cáo là người chủ động khởi xướng rủ C bị cáo C, C, P đi trộm cắp tài sản, còn C bị cáo C, C, P là những người đóng vai trò thực hành tích cực trong việc tham gia trộm cắp tài sản.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo L A D, V B C, G A C, G. A. P đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

C bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp và đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của C bị cáo đã gây ra.

Xét về nhân thân: C bị cáo D, C, C, P đều sinh ra được bố mẹ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. C bị cáo C, P tuổi đời còn trẻ, lẽ ra C bị cáo phải biết tu trí làm ăn lương thiện, cùng với vợ con lao động sản xuất để P triển kinh tế gia đình để con cái noi theo, nhưng C bị cáo không làm được như vậy. Đối với C bị cáo D và C bị cáo C có nhân thân xấu, đều nghiện ma túy, từ nghiện ma túy là nguyên nhân chính dẫn C bị cáo vào con đường phạm tội như ngày hôm nay. Bị cáo T. A. D vào năm 1996 bị Công an thị xã Lai Châu xử lý vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, năm 2001 bị UBND tỉnh Lai Châu đưa đi tập trung cải tạo 24 tháng, năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà xử phạt 24 tháng tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy đã được xóa án tích, năm 2011 bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng, ngày 22/8/2017 có hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo V. B. Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà xử phạt 30 tháng tù về tội Tăng trữ trái phép chất ma túy đã được xóa án tích, ngày 22/8/2016 đã có hành vi trộm cắp tài sản. Lẽ ra, C bị cáo phải biết lấy đó làm bài học cho bản thân, song C bị cáo lại không chịu tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội. Bản thân C bị cáo lười lao động, không muốn bỏ mồ hôi công sức của mình để tăng gia lao động sản xuất, bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác để đến

ngày hôm nay phải đứng trước vành móng ngựa, chịu sự trừng phạt của pháp luật là điều tất yếu.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay C bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo P đã nộp 1.400.000 đồng, gia đình bị cáo C đã nộp 400.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo C và P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS đối với bị cáo D; điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo C; điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị can P. C bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật cần phải Ch ly C bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục C bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh của Công an huyện Mường Chà đã xác định C bị cáo gia đình không có tài sản gì có giá trị, khó có điều kiện thi hành án. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với C bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại đã nhận được tài sản và không yêu cầu C bị cáo bồi thường gì thêm và yêu cầu xét xử C bị cáo theo quy định pháp luật. Vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L T L và bà Đ T B đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước khi mua quả đỏ bà L và bà B không biết tài sản đó do phạm tội mà có nên bà L và bà B không phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bà L T L yêu cầu C bị cáo D, C, P phải hoàn trả cho bà số tiền bà mua quả đỏ của C bị cáo là 5.300.000 đồng. Vậy C bị cáo mỗi bị cáo phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền là 1.767.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra Công an đã thu giữ của C bị cáo số tiền 2.705.000 đồng gồm 505.000 đồng thu giữ của L A D, 1.900.000 đồng thu giữ của G A C, 300.000 đồng thu giữ của G. A. P và gia đình bị cáo P đã bồi thường 1.400.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do vậy C bị cáo được khấu trừ số tiền đã thu giữ ở trên. C bị cáo còn phải trả cho bà L số tiền như sau: bị cáo D 1.262.000 đồng, bị cáo P 67.000 đồng, bị cáo Psau khi khấu trừ được trả lại 133.000 đồng. Đối với bà Đ T B đã mua 16kg quả đỏ của V B C, nhưng sau đó bà đã bán lại cho người không rõ lai lịch nên không thể truy thu được, bà B không có yêu cầu gì.

Trước khi mở phiên tòa gia đình bị cáo V. B. C đã nộp 400.000 đồng để bồi thường cho người bị hại chị Lê Thị Thu H, nhưng trong quá trình điều tra người bị hại chị H đã nhận được tài sản không yêu cầu C bị cáo phải bồi th gì thêm. Vậy số tiền trên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với 200.000 đồng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ A H giao nộp cho cơ quan điều tra là tiền của C bị cáo D, C, P trộm cắp tài sản bán có được để trả tiền công cho H, do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Người đại Diện theo pháp luật của công ty tư nhân T H là ông T Q T vắng mặt. Trong quá trình điều tra ông Trãi khai, công nhận, công ty có bán xe máy cho bị cáo

V B C, lúc mua bán có làm đồng mua bán với nhau, hiện bị cáo C còn đang nợ Công ty 6.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/12/017 sẽ thanh toán trả cho công ty số tiền còn lại. Tại đơn đề nghị của ông T trình bày chiếc xe máy của Công an thu giữ của bị cáo C là tài sản của công ty và cho công ty xin lại chiếc xe đó. Xét hợp đồng mua bán xe máy giữa bị cáo C và công ty tư nhân T H đang trong thời gian thực hiện hợp đồng do vậy chiếc xe máy đó thuộc tài sản của bị cáo C. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này một trong C bên không thực hiện đúng hợp đồng có đơn yêu cầu giải quyết, sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Người bị hại chị Lê Thị Thu H khai báo số tài sản bị mất trộm khoảng 13 bao quả đỗ, trọng lượng khoảng 240 kg, trị giá khoảng 18.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra chị H không cung cấp được giấy tờ gì cụ thể mất trộm là bao nhiêu bao quả đỗ và bao nhiêu kg. Chị H đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu C bị cáo bồi thường gì thêm. Vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng vụ án:

- 94 kg quả đỗ (sau khi đã phơi khô của 142 kg mua của D, C, P) do bà L T L giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu bà Lê Thị Thu H là phù hợp.

- Đối với chiếc xe máy BKS 27V1-060.80 bị cáo G. A.C dùng để đi trộm cắp tài sản là xe của bố bị cáo ông G A C, ông Chia không biết việc bị cáo dùng chiếc xe đó để đi trộm cắp tài sản nên cơ quan Công an không thu giữ. 01 chiếc xe máy HONDA WAVES, màu đỏ trắng đen, BKS 27V1-051.08 thu giữ của Hồ A H , H không biết việc chở bị cáo D đi bán quả đỗ trộm cắp nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Hồ A H . Việc cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy cho Hồ A H là đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe máy Win, màu đen BKS 27V1-0429 thu giữ của G. A. P và 01 chiếc xe máy Win, nhãn hiệu KITAFU, màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXCE8PEHA101053, số máy VDEJQ152FMJ101053 thu giữ của bị cáo V. B. C quá trình điều tra xác minh đã làm rõ chiếc xe máy là của công ty Trần Hà - Điện Biên bán cho bị cáo C, nhưng chưa đăng ký xe do đang còn nợ tiền xe nên công ty chưa giao cho bị cáo hồ sơ để đăng ký xe, tuy chiếc xe chưa đăng ký chính chủ nhưng căn cứ vào hợp đồng mua bán việc mua bán xe trên là có thật và đang thực hiện hợp đồng. Cho nên có căn cứ để xác định chiếc xe Win, nhãn hiệu KITAFU, màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXCE8PEHA101053, số máy VDEJQ152FMJ101053 là tài sản của bị cáo V B C. Hai chiếc xe máy trên C bị cáo G. A. P và V. B. C đã dùng phương tiện trộm cắp tài sản của gia đình của chị Lê Thị Thu H. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của C bị cáo G. A. P và V. B. C và vợ của C bị cáo là chị S T S và chị Vừ Thị S thể hiện, chiếc xe do hai vợ chồng mua để làm phương tiện đi lại trong gia đình, khi C bị cáo G. A. P và V. B. C sử dụng xe làm phương tiện phạm tội chị S và chị S không biết. Do đó, căn cứ vào Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định chiếc xe máy Win, màu đen BKS 27V1-0429 là tài sản chung hợp nhất của bị cáo G. A. P và chị S T S, chị S không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Chiếc xe máy Win, nhãn hiệu KITAFU, màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXCE8PEHA101053, số máy VDEJQ152FMJ101053 là tài sản chung

hợp nhất của bị cáo V. B. C và chị Vừ Thị S, chị S không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe máy Win, màu đen BKS 27V1-0429 sung quỹ Nhà nước, còn 1/2 giá trị chiếc xe được trả lại cho chị S T S sở hữu; Tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe máy Win, nhãn hiệu KITAFU, màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXCE8PEHA101053, số máy VDEJQ152FMJ101053 sung quỹ Nhà nước còn 1/2 giá trị chiếc xe được trả lại cho chị Vừ Thị S sở hữu.

- 01 chiếc điện thoại D động Sam Sung màu đen thu giữ của bị cáo G. A.C là vật dùng việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 ví da màu nâu đã cũ; 01 CMTND mang tên G A C; 01 bảo hiểm xe máy, 01 đăng ký xe máy mang tên Giàng A Cho; 01 giấy phép lái xe mang tên G A C. Thu giữ của G. A.C những vật này không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo G. A.C là phù hợp.

- Đối với số tiền 600.000 đồng trong đó 400.000 đồng gia đình bị cáo V. B. C giao nộp để bồi thường cho người bị hại, nhưng người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, 200.000 đồng thu giữ của Hờ A H cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- G. A. P đã sử dụng điện thoại gọi điện để rủ C đi trộm cắp, qua xác minh đó là điện thoại P mượn của ông L V L, sinh năm 1965, trú tại bản N P, xã N S nên không thu giữ chiếc điện thoại. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Đối với chiếc xe máy BKS 27V1-060.80 mà C đã điều khiển đi trộm cắp quả đò là xe mà C mượn bố đẻ của mình là ông G A C, ông Chia không biết C dùng làm phương tiện phạm tội nên không thu giữ chiếc xe máy trên. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo V. B. C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS là phù hợp. Đối với đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là không phù hợp bởi trước đây bị cáo C đã từng bị Tòa án xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt là chưa đúng với hành vi của bị cáo gây ra, vì giá trị tài sản chiếm đoạt lớn. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự và áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội 14 miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo C là phù hợp.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội 14, C bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống nơi xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ, tại phiên tòa C bị cáo đều xin HĐXX xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và phần án phí dân sự trong vụ án hình sự. Vậy cần miễn án phí cho C bị cáo là phù hợp.

Vì C lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- C bị cáo L A D, V B C, G A C, G. A. P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T. A. D 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 24/8/2017.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V. B. C 01 năm 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 24/8/2017.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo G. A. C 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 24/8/2017.

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo G. A. P 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 24/8/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; C Điều 357, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc C bị cáo L A D, G A C, G. A. P hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L T L - Sinh năm: 1967 trú tại bản M M, xa M M, H. MC, tỉnh Điện Biên số tiền là 5.300.000 đồng mỗi bị cáo là 1.767.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền mà C bị cáo đã bị thu, cụ thể:

Bị cáo T. A. D ($1.767.000^d - 505.000^d = 1.262.000^d$) còn phải tiếp tục trả cho bà L T L số tiền là 1.262.000 đồng.

Bị cáo G. A. P ($1.767.000 - (300.000^d + 1.400.000^d) = 67.000^d$) còn phải tiếp tục trả cho bà L T L số tiền là 67.000 đồng.

Bị cáo G. A. C ($1.900.000^d - 1.767.000^d = 133.000^d$) được trả lại 133.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu C bị cáo chậm thi hành án khoản tiền trên thì C bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi số tiền chậm trả theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại C Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 1/2 giá trị 01 chiếc xe máy Win, màu đen BKS 27V1-0429 sung quỹ nhà nước, trả lại 1/2 giá trị chiếc xe cho bà S T S - Sinh năm: 1996 trú tại bản Na Pheo 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Tịch thu 1/2 giá trị 01 chiếc xe máy Win, nhãn hiệu KITAFU, màu đen, không có biển kiểm soát, số khung RPEXCE8PEHA101053, số máy VDEJQ152FMJ101053 sung quỹ nhà nước, trả lại 1/2 giá trị chiếc xe máy cho bà Vừ Thị S - Sinh năm: 1981 trú tại bản Huổi Meo, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 400.000 đồng theo biên lai thu tiền số AC/2010/ 00187 ngày 30/11/2017; 200.000 đồng thu giữ của Hờ A H theo tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2017 (biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/8/2017) và 01 chiếc điện thoại D động Sam Sung màu đen.

Trả lại cho bị cáo G. A.C 01 ví da màu nâu đã cũ; 01 CMTND mang tên G A C; 01 bảo hiểm xe máy, 01 đăng ký xe máy mang tên Giàng A C; 01 giấy phép lái xe mang tên G A C.

04. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban tH vụ Quốc hội 14, miễn toàn bộ án phí C C bị cáo.

Áp dụng Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự, C bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2017). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên có mặt được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên vắng mặt được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng GDKT TA tỉnh ĐB;
- C bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- Người bị hại;
- Những NCQLNVLQ;
- UBND xã Na Sang và Mường Mươn thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình

